TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/HN-ST
Ngày 01 tháng 11 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trọng Ngoan
2. Ông Trần Hùng Bích

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 195/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1973.

+ Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1968.

+ Địa chỉ: khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Phạm Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Kim A tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B vào ngày 05/4/2010. Sau khi kết hôn ông bà sống không hạnh phúc, do bà Kim A nghi ngờ ông có tình cảm với người phụ nữ khác, ông nhiều lần giải thích nhưng bà Kim A vẫn không tin tưởng, nên vợ chồng thường xuyên cải vã, mâu thuẫn ngày càng nhiều nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Do thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông P yêu cầu ly hôn bà Kim A.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Kim A mặc dù đã được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Kim A vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn P. Tại phiên tòa, bà Kim A tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt đúng quy định tại Điều 175, 177 và 179 BLTTDS 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phạm Văn P đối với bà Trần Thị Kim A.

- Về con chung: Ông bà trình bày không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn P khởi kiện tranh chấp ly hôn với bà Trần Thị Kim A, bà Kim A cư ngụ tại địa chỉ khóm B, phường B, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng bà Trần Thị Kim A vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, ông P không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Kim A.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm Văn P và bà Trần Thị Kim A tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B vào ngày 05/4/2010 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân ly hôn theo ông P trình bày sau khi kết hôn ông bà sống không hạnh phúc, do bà Kim A nghi ngờ ông có tình cảm với người phụ nữ khác, ông nhiều lần giải thích nhưng bà Kim A vẫn không tin tưởng, từ đó vợ chồng thường

xuyên cải vã, mâu thuẫn ngày càng nhiều nên ông bà sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn nên ông P yêu cầu ly hôn bà Kim A.

[3] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Công an phường B ngày 29/8/2019 thể hiện: Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1968 có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại khóm B, phường B, thành phố L, An Giang. Hiện nay bà Trần Thị Kim A vẫn còn cư ngụ và đang sinh sống tại địa phương và theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường B ngày 10/9/2019 thể hiện bà Trần Thị Kim A và ông Phạm Văn P là vợ chồng, nhưng ông P hiện nay không cư ngụ sinh sống tại địa phương. Về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không rõ do bà Anh và ông P không có đơn yêu cầu địa phương hòa giải. Địa phương được biết bà Anh và ông P không có con chung.

[4] Qua lời trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án bà Kim A vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông P về tranh chấp ly hôn, tài sản chung và nợ chung, không cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi làm việc theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, bà Kim A tiếp tục vắng mặt không có lý do là không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử động viên ông P tạo cơ hội vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông P vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn P được ly hôn và bà Trần Thị Kim A, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về con chung: Ông P trình bày ông và bà Kim A không có con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông P trình bày không có.

Bà Kim A không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết. Sau này đương sự tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Ông Phạm Văn P phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn P được ly hôn bà Trần Thị Kim A.

2. Về con chung: Ông bà trình bày không có.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007314, ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông P đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- UBND P. B, TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa